TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **186**/2017/HNGĐ-ST
Ngày 11-8-2017
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Xuân Minh
2. Ông Duyên Văn Hiền

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Minh Chiến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 11 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 343/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 281/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn B, sinh năm 1967 (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp Rạch Bào, xã Khánh Bình, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08-6-2017 và Biên bản hòa giải ngày 11-7-2017 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Huỳnh Văn B trình bày:

Về hôn nhân: Ông Huỳnh Văn B và bà Lê Thị L xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1985, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau vào năm 2014. Hiện nay giấy chứng nhận kết hôn đã bị thất lạc. Trong thời gian chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp. Vợ chồng ly thân từ tháng 6 năm 2014 cho đến nay. Nay ông B yêu cầu ly hôn với bà L.

Về con chung: Ông B và bà L có 02 con chung là Huỳnh Văn K, sinh năm 1986 và Huỳnh Thị N, sinh năm 1987. Các con hiện đã trưởng thành, điều kiện phát triển về thể chất, khả năng nhận thức bình thường và có cuộc sống riêng nên ông B

không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại: Ông B xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản hòa giải ngày 11-7-2017, bị đơn bà Lê Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Bà L thống nhất với lời trình bày của ông B về thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân là vào tháng 12 năm 1985, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau vào năm 2015. Bà L xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về vấn đề tài chính, ông B thường xúc phạm danh dự, nhân phẩm bà L và ông B có mối quan hệ như vợ chồng với người phụ nữ khác. Vợ chồng ly thân từ ngày 01-5-2017 cho đến nay. Nay bà L xác định còn tình cảm với ông B nên bà L không đồng ý ly hôn với ông B.

Về con chung: Có 02 con chung đúng như ông B trình bày. Các con hiện đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại: Bà L xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên xem như từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng bà L.

[2] Về hôn nhân: Ông B và bà L tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1985 và tại văn bản "Trích lục kết hôn" ngày 12-7-2017 thể hiện quá trình chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau vào ngày 25-9-2014 đúng theo quy định tại Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ.

Bà L xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về vấn đề tài chính, ông B thường xúc phạm danh dự, nhân phẩm bà L và ông B có mối quan hệ như vợ chồng với người phụ nữ khác nhưng yêu cầu được đoàn tụ. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông B xác định không còn tình cảm vợ chồng với bà L và thể hiện sự quyết tâm mong muốn được ly hôn với bà L. Đồng thời, khẳng định đời sống hôn nhân không thể duy trì, trường hợp tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Tòa án cần chấp nhận yêu cầu của ông B được ly hôn với bà L.

[3] Về nuôi con chung: có 02 con chung là Huỳnh Văn K, sinh năm 1986 và Huỳnh Thị N, sinh năm 1987. Các con hiện đã trưởng thành, điều kiện phát triển về thể chất, khả năng nhận thức bình thường và có cuộc sống riêng nên ông B và bà L không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Vì vậy, Tòa án không đặt ra xem xét trong vụ án.

[4] Về tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại: Ông B và bà L thống nhất xác định không có nên không yêu cầu xem xét, giải quyết. Vì vậy, Tòa án không đặt ra xem xét trong vụ án.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông B phải chịu 300.000 đồng không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51 và 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh Văn B được ly hôn với bà Lê Thị L.

2. Về nuôi con chung, về tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Án phí sơ thẩm: Ông Huỳnh Văn B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng, ngày 08 tháng 6 năm 2017 đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0007038 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông Huỳnh Văn B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Lê Thị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Phòng NV-KT TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã Khánh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Dương Minh Út